

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 538/2021/DS-PT

Ngày: 18-6-2021

V/v tranh chấp thừa kế

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Mai Thị Mỹ Tiên**

Các Thẩm phán: 1. Bà **Lê Thị Mỹ Nhung**

2. Bà **Nguyễn Thị Minh Phượng**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Đỗ Từ Thanh Uyên**, Thư ký
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên
tòa:* Bà **Hoàng Anh Nga**- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15/6/2021 và 18/6/2021, tại phòng xử án của Tòa án nhân
dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số
113/2021/TLPT-DS ngày 23/3/2021 về việc “Tranh chấp thừa kế”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 11/01/2021 của Tòa án
nhân dân quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1406/2021/QĐ-PT ngày 02/4/2021
và Quyết định hoãn phiên tòa số 4152/2021/QĐ-PT ngày 26/4/2021 và Quyết
định hoãn phiên tòa số 5380/2021/QĐ-PT ngày 18/5/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Đào Mạnh C**, sinh năm 1968 (có mặt)

Thường trú: Số 5, Lô 14 đường LT, phường HL, quận LC, thành phố HP.

Địa chỉ liên lạc: Số 482/10/39 đường NTL, Phường 13, quận BT, Thành
phố Hồ Chí Minh

2. *Bị đơn:* Ông **Đào Đức T**, sinh năm 1945 (có mặt)

Địa chỉ: Số 142E/68 (số cũ 315/4) Đường CG, Phường 2, quận PN, Thành phố
Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Bà **Đào Thị N**, sinh năm 1936 (có mặt).

Địa chỉ: 142 E/68 (số cũ 315/4) Đường CG, Phường 2, quận PN, Thành phố
Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đào Mạnh C** (theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng 003326, quyền số 03 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/3/2020 lập tại Văn phòng Công chứng Lê Thị Phương Liên, Thành phố Hồ Chí Minh). (có mặt)

3.2 Ông **Đào Đức M**, sinh năm 1939. (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đào Uy Q** (theo Giấy ủy quyền ngày 23/3/2020 tại Ủy ban nhân dân phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh) (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số 35/15/14 Nguyễn Văn Yên, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3 Bà **PTN**, sinh năm 1936

Địa chỉ: Số 5, Lô 14 Lâm T, phường Hồ Lâm, quận Lê Chân, thành phố HP.

3.4 Ông **ĐXH**, sinh năm 1961

Địa chỉ: Số 03A/86/96 Chợ Hàng, phường Đông Hải, quận Lê Chân, thành phố HP.

3.5 Ông **ĐĐM**, sinh năm 1962

Địa chỉ: 257 Lý Thường Kiệt, Phường Phan Bội Châu, quận Hồng Bàng, thành phố HP.

3.6 Bà **ĐTL**, sinh năm 1963

Địa chỉ: Số 58 ngách 142, ngõ 213, phường Thiên Lôi, quận Lê Chân, thành phố HP.

3.7 Bà **ĐTH**, sinh năm 1965

Địa chỉ: Số 2, ngõ 45, số 17, phường Nghĩa Xá, quận Lê Chân, thành phố HP.

Người đại diện hợp pháp của bà Nga, ông Hồng, ông Minh, bà Lan, bà Hương có ông **Đào Mạnh C** (theo Giấy ủy quyền số 0558.NQH/2017.GUQ, quyền số: 01-AP.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/3/2017 lập tại Văn phòng công chứng An Phú, thành phố HP) (có mặt)

3.8 Bà **NTP**, sinh năm 1950 (vắng mặt).

3.9 Bà **ĐĐCT**, sinh năm 1982 (vắng mặt).

3.10 Bà **ĐĐCT1**, sinh năm 1984 (xin vắng mặt)

3.11 Ông **ĐĐT**, sinh năm 1987 (có mặt).

3.12 Bà **ĐĐCT2**, sinh năm 1989 (xin vắng mặt).

3.13 Bà **ĐĐCT3**, sinh năm 1992 (vắng mặt).

3.14 Trẻ **PHBN**, sinh năm 2013.

3.15 Trẻ **PHKN**, sinh năm 2015.

Người đại diện hợp pháp: Bà ĐĐCT1 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 142E/68 (số cũ 315/4) Đường CG, Phường 2, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ông Đào Mạnh C cho biết ông bà Nội của ông là cụ Đào Đức Đ (chết ngày 25/01/1975) và cụ Nguyễn Thị N (chết ngày 26/12/1996). Ông Đ và bà N có tất cả 06 người con, gồm:

1. Ông Đào Đức L (cha ruột của ông Đào Mạnh C), sinh năm 1932, chết năm 2006;
2. Ông Đào Đức M, sinh năm 1939;
3. Bà Đào Thị N, sinh năm 1936;
4. Ông Đào Đức T, sinh năm 1945;
5. Ông Đào Đức Ngọ (sinh năm 1946, chết năm 1969 – không có vợ, con);
6. Ông Đào Đức Vinh (sinh năm 1949, chết năm 1971 – không có vợ, con);

Ông Đ, bà N chết không để lại di chúc. Di sản của ông Đ, bà N là căn nhà số 315/4 (số mới 142^E/68) Đường CG, Phường 2, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy công nhận quyền sở hữu nhà ở số 270/CNSH-UB ngày 23/7/1993) và hiện do bị đơn ông Đào Đức T quản lý, sử dụng.

Cha ông là Đào Đức L chết vào năm 2006, không để lại di chúc. Hàng thừa kế thứ nhất của ông L gồm có vợ bà PTN (sinh năm 1936) và 05 người con: ông ĐXH, ông ĐDM, bà ĐTL, bà ĐTH, ông Đào Mạnh C.

Nguyên đơn thay mặt những người thừa kế hàng thứ nhất của ông Đào Đức L khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với nhà, đất tại địa chỉ số 142^E/68 (số cũ 315/4) Đường CG, Phường 2, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh, ông yêu cầu được hưởng 1/4 giá trị di sản.

Ngoài ra, nguyên đơn còn yêu cầu chia số tiền bồi thường, hỗ trợ khi Ủy ban nhân dân quận PN giải tỏa một phần nhà, đất tại địa chỉ số 142^E/68 Đường CG, Phường 2, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh mà trước đây bị đơn đã nhận là 543.771.000 đồng, chia đều cho 4 thừa kế của ông Đ, bà N, phần ông (và các anh chị em khác) được hưởng là 135.000.000 đồng, nhưng sau đó đã rút lại yêu cầu này.

Nguyên đơn khởi kiện căn cứ vào tài liệu chứng cứ sau:

+ Trích lục khai sinh số 158/TLKS ngày 14/6/2017 của ông Đào Đức L do Trưởng phòng hành chính Tư pháp (thừa lệnh Giám đốc Sở Tư Pháp) HP ký;

+ Kết luận giám định ADN số 116/DVADN ngày 31/5/2017 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định ông Đào Mạnh và ông Đào Đức M có “quan hệ huyết thống theo dòng cha”.

Bị đơn ông Đào Đức T không thừa nhận ông Đào Đức L là con chung của cha mẹ ông (là cụ Đào Đức Đ và cụ Nguyễn Thị N), do đó không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì các lý do sau:

- Trích lục khai sinh số 158/TLKS ngày 14/6/2017 là không hợp pháp, thể hiện ông Đào Đức L có cha là Đào Đức Đ - năm sinh: 30 tuổi; có mẹ là Nguyễn Thị N - năm sinh: 25 tuổi; đăng ký khai sinh tại thành phố HP, số 1813/1932, ngày 03/8/1932; nơi sinh: Số 21 phố Nam Sinh, HP. Như vậy, theo Trích lục khai sinh này thì bà Nguyễn Thị N sinh năm 1907 và ông Đào Đức Đ, sinh năm 1902, trong khi năm sinh đúng của bà N là năm 1906 và của ông Đ là năm 1899.

- Kết luận giám định ADN số 116/DVADN ngày 31/5/2017 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh là không hợp pháp, không chứng minh được ông L là con của bà N - người để lại di sản thừa kế.

- Ngoài ra, khi còn sống, trong quá trình làm hồ sơ hợp thức hóa nhà đất tại địa chỉ 315/4 Đường CG (số mới 142^E/68), Phường 2, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh, bà N chỉ kê khai có 3 người con trong hàng thừa kế của ông Đ đó là: Đào Đức M, Đào Thị N và ông (Đào Đức T) thể hiện tại đơn xin thừa kế di sản ngày 12/02/1993 của bà N.

Về di sản thừa kế, bị đơn cho biết nguồn gốc nhà, đất số 142^E/68 Đường CG, Phường 2, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích ban đầu là 28,80m² (ngang 3,2m, dài 9m), không có sân, do cha mẹ ông tự xây cất năm 1963. Sau khi ông Đ chết (năm 1975), ông sống cùng bà N trong căn nhà này cho đến nay. Trong thời gian này, ông đã coi nói, cải tạo căn nhà thành ngang 4,50 mét, dài 16 mét (coi nói ra phía mương ở phần sau căn nhà). Năm 1993, bà Nguyễn Thị N lập hồ sơ xin hợp thức hóa kết hợp với việc kê khai thừa kế di sản và được Ủy ban nhân dân quận PN cấp Giấy công nhận quyền sở hữu nhà số 270/CNSH-UB ngày 23/7/1993 cho bà Nguyễn Thị N. Năm 1996, bà N chết; ông đã làm thủ tục trước bạ thừa kế ngày 02/4/2004.

Vào trước năm 1999, gia đình ông lại cải tạo, coi nói nhà thành 65m² (diện tích sàn xây dựng kèm tờ khai đăng ký nhà, đất ngày 03/9/1999) và sau này thành diện tích khoảng hơn 80m², phần đất ông T coi nói thêm chưa có giấy tờ sở hữu hợp pháp, nhưng được Nhà nước công nhận quá trình sử dụng lâu dài, nên mới được đền bù vào năm 2014.

Năm 2004, ông (đại diện các thừa kế là ông Đào Đức M, bà Đào Thị N) lập hồ sơ xin sửa chữa nhà và được Ủy ban nhân dân quận PN cấp Giấy phép sửa chữa nhà số 105/GPSC ngày 19/4/2004; Giấy phép này cho phép ông đục giả nhưng khi thi công ông đã đục thật phần xây dựng được cấp phép. Năm 2014, khi căn nhà bị ảnh hưởng bởi dự án đầu tư, xây dựng hệ thống thoát nước rạch Cầu Cụt trên địa bàn quận PN, gia đình ông được bồi thường số tiền 543.771.000 đồng, trong đó tiền bồi thường đất là 430.781.964 đồng và tiền xây

dựng là: 112.990.036 đồng. Phần được bồi thường này là diện tích nhà đất nằm ngoài Giấy công nhận. Ông đã nhận đủ số tiền trên và chia lại cho ông M, bà N mỗi người 100.000.000 đồng.

Nếu chia thừa kế, bị đơn chỉ thừa nhận di sản do cha mẹ ông để lại là nhà, đất tại 142^E/68 Đường CG, Phường 2, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích ban đầu là 28,8m², không phải là 57,6m². Ông cho rằng diện tích tăng thêm này hoàn toàn do công sức của ông và gia đình ông tạo lập nên. Ông đề nghị được nhận nhà đất và hoàn lại phần giá trị tương ứng được hưởng cho các đồng thừa kế còn lại; đồng thời có yêu cầu phản tố, buộc bà Đào Thị N và ông Đào Đức M trả lại số tiền bồi thường 100.000.000 triệu đồng đã nhận và xem xét công sức đóng góp của vợ chồng ông trong việc bảo quản, tôn tạo di sản trong suốt hơn 45 năm.

Tại căn nhà tranh chấp, hiện có vợ chồng ông và các con là: DĐCT1, DĐT, DĐCT2, DĐCT3, hai cháu PHBN, PHKN là con ruột của DĐCT1 đang cư trú, riêng DĐCT đã lập gia đình và chuyển đi nơi khác sinh sống.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Đào Đức M, bà Đào Thị N thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị chia thừa kế đối với giá trị nhà, đất tại số 142^E/68 Đường CG, Phường 2, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đối với yêu cầu chia số tiền nhận bồi thường, hỗ trợ khi Ủy ban nhân dân quận PN, ông bà cũng xác nhận đã được bị đơn chia mỗi người 100.000.000 đồng, nay ông, bà không có ý kiến khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NTP trình bày:

Bà là vợ của bị đơn ông Đào Đức T, bà đã sinh sống tại căn nhà tranh chấp từ năm 1974 đến nay. Bà thống nhất hoàn toàn với ý kiến trình bày của ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà DĐCT1 trình bày:

Bà là con của ông T và bà Phương, bà sinh ra và lớn lên tại căn nhà số 142^E/68 Đường CG, Phường 2, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh và hiện nay vẫn đang cư trú tại đây.

Bà hoàn toàn thống nhất với ý kiến trình bày của cha mẹ bà và không đồng ý việc ông Đào Mạnh C yêu cầu chia thừa kế; đồng thời bà đề nghị Tòa án thẩm tra, làm rõ lý lịch của ông Đào Đức L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà DĐCT, ông DĐT, bà DĐCT2, bà DĐCT3 có bản tự khai đề cùng ngày 04/5/2017, nội dung lời khai giống hoàn toàn với lời khai của bà DĐCT1, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Đồng thời các ông bà có đơn xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Bản án sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 11/01/2021 của Tòa án nhân dân quận PN đã tuyên xử:

1. Công nhận hàng thừa kế thứ nhất của hai cụ Đào Đức Đ (chết ngày 25/01/1975) và Nguyễn Thị N (chết ngày 26/12/1996) là ông Đào Đức M, bà Đào Đức N, ông Đào Đức T, ông Đào Đức L.

Những người thừa kế của ông Đào Đức L (chết ngày 04/12/2006) là: Bà PTN, ông ĐXH, ông ĐDM, bà ĐTL, bà ĐTH và ông Đào Mạnh C - có ông Đào Mạnh C là đại diện nhận thừa kế.

2. Xác định di sản thừa kế của ông Đào Đức Đ và bà Nguyễn Thị N là quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ số 142^E/68 (số cũ 315/4) Đường CG, Phường 2, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 270/CNSH - UB ngày 23/7/1993 của Ủy ban nhân dân quận PN với diện tích khuôn viên 57,6m², diện tích sử dụng 49,0m², diện tích lộ giới 16,7m² theo Bản vẽ hiện trạng nhà do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 01/4/2019 được Phòng Quản lý Đô thị quận PN kiểm tra ngày 04/4/2019 có diện tích khuôn viên: 54,2m².

3. Với 54,2m² đất theo Bản vẽ hiện trạng nhà do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 01/4/2019 được Phòng Quản lý Đô thị quận PN kiểm tra ngày 04/4/2019 này được chia đều giá trị thành 4 kỷ phần bằng nhau cho ông Đào Đức M, bà Đào Thị N, ông Đào Đức T và ông Đào Đức L (có những người kế là bà PTN, ông ĐXH, ông ĐDM, bà ĐTL, bà ĐTH, ông Đào Mạnh C – do ông Đào Mạnh C đại diện nhận thừa kế). Kỷ phần mỗi người thừa kế được hưởng là 1/4 giá trị quyền sử dụng đất của di sản thừa kế nêu trên.

Dành quyền ưu tiên cho bị đơn ông Đào Đức T được nhận nhà, đất tại địa chỉ số 142^E/68 (số cũ 315/4) Đường CG, Phường 2, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh, với điều kiện bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán xong số tiền tương đương mỗi kỷ phần mỗi đồng thừa kế được hưởng là 1/4 giá trị quyền sử dụng đất nêu trên, tương đương số tiền tạm tính theo kết quả thẩm định giá là $5.490.460.000/4 = 1.372.615.000$ (một tỷ ba trăm bảy mươi hai triệu sáu trăm mười lăm ngàn) đồng.

Sau khi bị đơn ông Đào Đức T thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán cho các đồng thừa kế, ông T được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục kê khai, đăng ký, xác lập quyền sở hữu đối với nhà, đất tại địa chỉ số 142^E/68 (số cũ 315/4) Đường CG, Phường 2, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật. Mọi chi phí phát sinh trong quá trình làm thủ tục nêu trên, bị đơn ông Đào Đức T phải chịu.

Trong thời hạn 02 (hai) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, mà các bên không thống nhất thực hiện được phân chia giá trị quyền sử dụng đất nêu trên thì có quyền làm đơn yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi để chia theo tỷ lệ được hưởng sau khi trừ đi giá trị công trình xây dựng trên đất tạm tính theo kết quả thẩm định giá là 194.967.500 đồng cho bị đơn ông Đào Đức T.

Mọi khoản chi phí phát sinh trong quá trình làm thủ tục chuyển dịch đối với tài sản (nếu có) nêu trên, các ông bà Đào Đức M, Đào Đức N, Đào Đức T và những người thừa kế của ông Đào Đức L (gồm bà PTN, ông ĐXH, ông ĐDM, bà ĐTL, bà ĐTH, ông Đào Mạnh C – có ông Đào Mạnh C đại diện nhận thừa kế) mỗi người phải chịu theo tỷ lệ mà mình được hưởng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Ghi nhận việc nguyên đơn, ông M, bà N không yêu cầu chia giá trị công trình xây dựng trên đất tại địa chỉ số 142E/68 Đường CG, Phường 2, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh, đồng ý cho bị đơn ông T.

5. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của nguyên đơn – ông Đào Mạnh C đối với yêu cầu được chia một phần giá trị tiền bồi thường, hỗ trợ khi Ủy ban nhân dân quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh giải tỏa một phần nhà, đất tại địa chỉ số 142^E/68 (số cũ 315/4) Đường CG, Phường 2, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh theo Phương án bồi thường, hỗ trợ cá nhân có nhà, đất bị ảnh hưởng trong dự án đầu tư, xây dựng hệ thống thoát nước rạch Cầu Cụt trên địa bàn quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác, quyền kháng cáo của các đương sự cũng như các quy định về thi hành án dân sự.

Ngày 25/01/2021, nguyên đơn kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm, vì các lý do sau:

+ Kết luận Giám định ADN số 116/DVADN ngày 31/5/2017 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh không hợp pháp, vì Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh không có chức năng thực hiện giám định ADN;

+ Khai sinh và Lý lịch của ông Đào Đức L chưa chính xác và mâu thuẫn nhau, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ, mặc dù ông có yêu cầu.

+ Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét công sức cho vợ chồng ông T.

- Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử giữ y bản án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đào Thị N, ông Đào Đức M không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các thành viên Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thời hiệu chia thừa kế, Tòa án cấp sơ thẩm xác định còn thời hiệu là hoàn toàn đúng.

Về nội dung: Căn cứ Trích lục khai sinh của ông Đào Đức L và Kết luận giám định AND ngày 31/5/2017, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông L là một trong bốn (04) người con của ông Đ, bà N là có cơ sở.

Về di sản thừa kế: Căn cứ Giấy công nhận quyền sở hữu nhà số 270/CNSH-UB ngày 23/7/1993 và Bản vẽ hiện trạng ngày 01/4/2019 do Trung tâm đo đạc bản đồ Sở Tài nguyên và Môi trường lập, thì hiện tại căn nhà thừa kế có diện tích 54,2m². Ông T cho rằng căn nhà thừa kế chỉ có 28,8m² nhưng không chứng minh được phần diện tích đất tăng thêm thuộc quyền sử dụng riêng của ông, như vậy Tòa án cấp sơ thẩm xác định di sản thừa kế là phần đất có diện tích 54,2m² là có căn cứ.

Về việc ông T yêu cầu xét công sức cho bà Phương - vợ ông, do đơn yêu cầu phản tố của ông được nộp sau khi Tòa án cấp sơ thẩm mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, ông cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Mặt khác, gia đình ông T đã được sử dụng căn nhà nhiều năm nay, phần giá trị xây dựng 194.967.500 đồng các thừa kế khác đã không tranh chấp, do vậy bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông T là có căn cứ.

Về án phí sơ thẩm, tại bản án sơ thẩm đã tuyên buộc 05 người thừa kế của ông L chịu án phí sơ thẩm, trong đó có bà PTN là người cao tuổi- thuộc trường hợp miễn án phí, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn buộc nộp án phí là sai, tuy nhiên do nguyên đơn tự nguyện chịu hoàn toàn, đồng thời không có kháng cáo, nên không cần thiết sửa án phí sơ thẩm. Vì lẽ đó đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận PN.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà ĐĐCT, bà ĐĐCT1, bà Đào Đức Cẩm Tuyền, bà ĐĐCT3 có bản tự khai và có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Bà NTP đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng

mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng quyết định xét xử tiến hành xét xử vắng họ.

Bản án sơ thẩm áp dụng khoản 4 Điều 36 Pháp lệnh thừa kế năm 1990, hướng dẫn số 01/GĐ-TANDTC ngày 05/01/2018 và điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 xác định còn thời hiệu chia thừa kế là đúng quy định.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn - ông Đào Đức T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về hình thức: Đơn kháng cáo được thực hiện trong hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

Về nội dung: với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] *Về hàng thừa kế của cụ Đ và cụ N:*

Căn cứ Kết luận giám định ADN số 116/DVADN ngày 31/5/2017 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, có cơ sở xác định “ông Đào Mạnh C và ông Đào Đức M có quan hệ huyết thống theo dòng cha”. Bị đơn không thừa nhận Kết luận giám định ADN, nhưng không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định lại, Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét là phù hợp. Hơn nữa tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cũng xác định không yêu cầu.

Căn cứ Trích lục khai sinh số 158/TLKS ngày 14/6/2017 của ông Đào Đức L do Trưởng phòng hành chính Tư pháp (thừa lệnh Giám đốc Sở Tư Pháp) HP cho thấy việc xác định tuổi của ông Đ và bà N trong trích lục khai sinh là không đúng với năm sinh thật của ông Đ, bà N. Hội đồng xét xử nhận thấy sự chênh lệch tuổi của ông Đ, bà N (thể hiện trên Giấy khai sinh so với tuổi thật là do sai số khi ước lượng độ tuổi; sự sai lệch về con số này không đủ cơ sở xác định ông Đ, bà N không phải là cha, mẹ của ông Đào Đức L.

Hơn nữa những người trong hàng thừa kế (ông M, bà N) đều thừa nhận và cam kết ông L là con của ông Đ và bà N.

Đối với bản “Sơ yếu lý lịch” do ông Đào Đức L (cha của nguyên đơn) tự lập năm 1976, đã khai tên mẹ là bà Nguyễn Thị Y. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn trình bày do ông L cố tình khai lệch để thủ tục sưu tra kết nạp Đảng được suông sẻ. Mặc dù bị đơn có đơn yêu cầu xác minh hồ sơ kết nạp Đảng của ông L tại Ban bảo vệ nội bộ thành ủy HP, tuy nhiên đến khi chết, ông L vẫn chưa được kết nạp Đảng và bản Sơ yếu lý lịch này không được xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, nên không có giá trị pháp lý để cần phải xác minh làm rõ, vì vậy yêu cầu kháng cáo này của bị đơn không được chấp nhận.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định hàng thừa kế của ông Đ, bà N gồm: ông Đào Đức M, Đào Đức T, Đào Thị N và ông Đào Đức L (có vợ là bà PTN và các con: ông ĐXH, ông ĐDM, bà ĐTL, bà ĐTH và Đào Mạnh C) là hoàn toàn có căn cứ.

[2.2] *Về di sản thừa kế:*

Căn cứ Giấy công nhận quyền sở hữu nhà số 270/CNSH-UB ngày 23/7/1993, Văn bản số 312/UBND ngày 22/12/2020 của Ủy ban nhân dân

Phường 2, quận PN, Văn bản số 1295/UBND ngày 21/12/2020 của Ủy ban nhân dân quận PN, đã có đủ cơ sở xác định nhà đất số 142^E/68 (số cũ 315/4) Đường CG, Phường 2, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Đào Đức Đ (chết năm 1975) và bà Nguyễn Thị N (chết năm 1996) tạo lập, với diện tích khuôn viên là 57, 6m², diện tích sử dụng là 49m². Bị đơn khai căn nhà cũ của cha mẹ để lại chỉ có diện tích 28,8m² nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh, nên không có cơ sở chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm xác định di sản mà ông Đ và bà N để lại là căn nhà trên với diện tích đất 57, 6m² là đúng đắn.

[2.3]. *Về công sức tôn tạo, quản lý và bảo quản di sản thừa kế:*

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định “Bị đơn yêu cầu phản tố được nộp sau ngày Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải.....nên không xét yêu cầu của bị đơn về tính công sức tôn tạo, quản lý, bảo quản di sản của bà NTP”

Ngoài ra còn nhận định “Bị đơn ông T và gia đình bị đơn (gần 10 nhân khẩu) đã cư trú tại căn nhà số 142^E/68 (số cũ 315/4) Đường CG, Phường 2, quận PN một thời gian rất dài, từ năm 1974 cho đến khi ông và bà Phương sinh 5 người con, các con ông trưởng thành, nay là các cháu của ông cũng tiếp tục sinh sống trong căn nhà này. Như vậy, bản thân ông và gia đình ông đã trực tiếp sử dụng và được hưởng lợi rất lớn từ di sản thừa kế do ông Đ, bà N để lại một thời gian rất dài mà các đồng thừa kế khác không được hưởng”- đây là nhận định chủ quan và không phù hợp với tinh thần của Án lệ số 05/2016/AL ngày 06/4/2016 của Tòa án nhân dân tối cao.

Rõ ràng việc xem xét công sức bảo quản, giữ gìn, tôn tạo di sản cho bị đơn và bà P (vợ của ông) là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật, không bắt buộc đương sự phải có đơn yêu cầu, Tòa án vẫn phải xem xét tính công sức bảo quản, tôn tạo di sản cho họ.

Xét thấy căn nhà thừa kế được xây dựng từ năm 1963, vợ chồng ông T đã quản lý, sử dụng từ trước năm 1975. Căn cứ vào Giấy phép sửa chữa nhà số 105/GPSC ngày 19/4/2004, Giấy phép xây dựng số 431/GPXD ngày 15/7/2014 và Phương án bồi thường, hỗ trợ ngày 01/4/2013 của Ủy ban nhân dân quận PN có cơ sở xác định qua thời gian, diện tích nhà, đất có thay đổi tăng thêm và giá trị di sản vì thế cũng tăng thêm, là nhờ vào công giữ gìn, bảo quản, duy trì tài sản và việc tôn tạo, tu bổ tài sản của ông T và bà P trong suốt hơn 45 năm. Ngoài ra, vợ chồng ông T còn có công sức chăm sóc, nuôi dưỡng người để lại di sản, nên việc xem xét chia công sức đóng góp cho vợ chồng ông T là hoàn toàn hợp tình, hợp lý, đúng quy định của pháp luật. Vì lẽ đó, cần sửa một phần Bản án sơ thẩm xét công nhận cho ông T, bà Phương phần công sức tương đương 01 suất thừa kế.

[2.4] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc đòi bà N, ông M trả lại số tiền đền bù, do bị đơn đặt ra yêu cầu này sau khi Tòa án mở phiên họp giao nội, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nên căn cứ Khoản 2 Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét giải quyết là đúng quy định.

[2.5] Về chia di sản:

Xét cụ Đ và cụ N khi chết không có di chúc, nên căn cứ các Điều 649, 650 Bộ luật dân sự năm 2015, di sản của hai cụ là nhà đất số 142^E/68 Đường CG, Phường 2, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh sẽ được chia cho hàng thừa kế thứ 1, gồm 04 người con: ông M, bà N, ông T và ông L. Vì ông L chết sau cụ Đ và cụ N, nên vợ và con của ông L (bà PTN, ông ĐXH, ông ĐDM, bà ĐTL, bà ĐTH, ông Đào Mạnh C) sẽ hưởng thừa kế chuyển tiếp đối với suất thừa kế mà đáng lẽ ông L được hưởng nếu còn sống, theo Điều 651 Bộ luật dân sự. Do vợ chồng ông T được xem xét chia công sức bảo quản, tôn tạo di sản bằng 01 suất thừa kế, nên di sản sẽ được chia thành 05 phần bằng nhau. Trong vụ án này, nguyên đơn và các đồng thừa kế không tranh chấp giá trị xây dựng, chỉ yêu cầu chia thừa kế đối với giá trị quyền sử dụng đất với diện tích 54,2m² (theo Bản vẽ hiện trạng do Trung tâm đo đạc bản đồ- Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 01/4/2019, được kiểm tra nội nghiệp ngày 04/4/2019) có kết quả thẩm định giá là 5.490.460.000 (năm tỷ bốn trăm chín mươi triệu bốn trăm sáu mươi nghìn) đồng, vì vậy di sản sẽ được chia cụ thể như sau:

Các ông, bà: Đào Đức M, Đào Thị N, Đào Đức T và vợ con của Đào Đức L mỗi thừa kế được hưởng 1/5 (một phần năm) giá trị quyền sử dụng đất ở, tương đương $5.490.460.000 \text{ đồng} / 5 = 1.098.092.000$ (một tỷ không trăm chín mươi tám triệu không trăm chín mươi hai nghìn) đồng. Ngoài ra, ông Đào Đức T và vợ là bà NTP còn được chia công sức tương đương 01 suất thừa kế 1/5 giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm thi hành án. Ông T có nhu cầu nhận sở hữu nhà và các đồng thừa kế khác không phản đối, nên ông T phải có trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch cho các đồng thừa kế còn lại trong thời hạn 02 tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với những người thừa kế của ông Đào Đức L là: Bà PTN, ông ĐXH, ông ĐDM, bà ĐTL, bà ĐTH đã ủy quyền cho ông Đào Mạnh C được quyền đại diện họ nhận phần thừa kế ông L được hưởng, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Trong thời hạn 02 (hai) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Đào Đức T không tự nguyện thi hành việc thanh toán tiền cho các đồng thừa kế khác, thì phải bàn giao căn nhà cho cơ quan Thi hành án có thẩm quyền thực hiện đấu giá, phát mãi theo quy định của pháp luật. Sau khi trừ các chi phí, giá trị quyền sử dụng đất còn lại được chia đều cho các đồng thừa kế theo tỷ lệ 1/5 như đã nêu trên.

[2.6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đào Đức T, ông Đào Đức M, bà Đào Thị N là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, cấp sơ thẩm xét miễn án phí cho họ là hoàn toàn đúng.

Đối với ông Đào Mạnh C, bà PTN, ông ĐXH, ông ĐDM, bà ĐTL, bà ĐTH, Tòa án cấp sơ thẩm buộc họ cùng chịu án phí 53.178.450 đồng, trong khi bà PTN đã trên 60 tuổi - thuộc trường hợp được miễn án phí, là có sai sót; tuy nhiên do ông C đã tự nguyện chịu toàn bộ án phí và không có kháng cáo, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không cần thiết sửa lại phần án phí.

[2.7] Các chi phí tố tụng khác: Chi phí đo vẽ, thẩm định giá tài sản, nguyên đơn ông Đỗ Mạnh C tự nguyện chịu, nên Hội đồng xét xử sơ thẩm ghi nhận là phù hợp.

[2.8] Án phí dân sự phúc thẩm:

Do sửa bản án sơ thẩm, nên ông Đào Đức T không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 2 Điều 148; Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 611, 612, 613, 614; Khoản 1 Điều 623; các Điều 649, 650, 651 và 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn:

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 11/01/2021 của Tòa án nhân dân quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1 Xác định di sản thừa kế của cụ Đào Đức Đ và cụ Nguyễn Thị N để lại là quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở tại số 142^E/68 (số cũ 315/4) Đường CG, Phường 2, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy công nhận quyền sở hữu nhà số 270/CNSH-UB ngày 23/7/1993 của Ủy ban nhân dân quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh và Bản vẽ hiện trạng nhà do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 01/4/2019, kiểm tra nội nghiệp ngày 04/4/2019.

1.2 Những người được hưởng di sản thừa kế của cụ Đào Đức Đ và cụ Nguyễn Thị N gồm: ông Đào Đức M, bà Đào Thị N, ông Đào Đức T và vợ, con của ông Đào Đức L.

1.3 Chia thừa kế theo pháp luật cho các ông, bà: Đào Đức M, Đào Thị N, Đào Đức T, vợ và con ông Đào Đức L (gồm: bà PTN, ông ĐXH, ông ĐDM, bà ĐTL, bà ĐTH, ông Đào Mạnh C) mỗi thừa kế được hưởng 1/5 giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm thi hành án.

1.4. Chia công sức bảo quản, tôn tạo di sản cho ông Đào Đức T và bà NTP bằng 1/5 giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm thi hành án.

1.5 Giao cho ông Đào Đức T được nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 142^E/68 Đường CG, Phường 2, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời phải có nghĩa vụ thanh toán cho mỗi đồng thừa kế còn lại tương đương 1/5 giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm thi hành án.

1.6 Trong thời hạn 02 (hai) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Đào Đức T không tự nguyện thi hành việc thanh toán tiền cho các đồng thừa kế khác, thì phải bàn giao căn nhà cho cơ quan Thi hành án có thẩm quyền thực hiện đấu giá, phát mãi theo quy định của pháp luật. Sau khi cân trừ các chi phí khác trong việc thi hành án, giá trị đất còn lại được chia đều cho các đồng thừa kế theo tỷ lệ 1/5 như đã nêu trên.

1.7 Ông Đào Đức T được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục xác lập quyền sở hữu đối với nhà, đất tại địa chỉ số 142^E/68 Đường CG, Phường 2, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật, sau khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán cho các đồng thừa kế.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

1.8 Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn, ông M, bà N không yêu cầu chia giá trị công trình xây dựng trên đất tại số 142^E/68 Đường CG, Phường 2, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu của nguyên đơn – ông Đào Mạnh C đối với yêu cầu được chia một phần giá trị tiền bồi thường, hỗ trợ khi Ủy ban nhân dân quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh giải tỏa một phần nhà, đất tại địa chỉ số 142^E/68 (số cũ 315/4) Đường CG, Phường 2, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh theo Phương án bồi thường, hỗ trợ cá nhân có nhà, đất bị ảnh hưởng trong dự án đầu tư, xây dựng hệ thống thoát nước rạch Cầu Cụt trên địa bàn quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đào Đức T, ông Đào Đức M, bà Đào Thị N được miễn án phí.

Ông Đào Mạnh C tự nguyện chịu thay cho các thừa kế của ông L, số tiền là 53.178.450 (năm mươi ba triệu, một trăm bảy mươi tám nghìn, bốn trăm năm mươi) đồng. Cân trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.375.000 (tám triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng, theo biên lai thu số 08076 ngày 02/3/2017 của

Chi cục Thi hành án dân sự quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh, ông C phải nộp thêm 44.803.450 (bốn mươi bốn triệu, tám trăm lẻ ba nghìn, bốn trăm năm mươi) đồng.

3. Các chi phí tố tụng khác: Chi phí đo vẽ, thẩm định giá tài sản, nguyên đơn tự nguyện chịu và đã nộp xong.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: không ai phải chịu.

5. Các đương sự thi hành án theo các Điều 2, 6, 7, 7a, 7b, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận PN;
- Chi cục THADS quận PN;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Mỹ Tiên